

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh
 Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
 Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính hợp nhất**Quý II năm tài chính 2011**

Mẫu số B01 - DN/HN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Quý II Năm 2011**

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.799.343.339.926	1.504.725.283.346
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		265.867.559.721	125.196.917.663
1. Tiền	111	V.01	118.525.134.190	60.998.417.663
2. Các khoản tương đương tiền	112		147.342.425.531	64.198.500.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	59.143.638.991	68.214.032.703
1. Đầu tư ngắn hạn	121		59.143.638.991	68.214.032.703
2. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.088.234.975.831	983.581.001.342
1. Phải thu khách hàng	131		406.874.144.355	275.098.755.657
2. Trả trước cho người bán	132		662.346.986.298	638.733.407.755
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xd	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	19.555.859.562	70.290.852.314
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(542.014.384)	(542.014.384)
IV. Hàng tồn kho	140		223.377.755.444	169.710.990.294
1. Hàng tồn kho	141	V.04	223.377.755.444	169.710.990.294
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		162.719.409.939	158.022.341.344
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.914.343.684	297.106.347
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		83.559.495.469	80.569.755.910
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05	1.219.999.143	1.124.703.943
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		75.025.571.643	76.030.775.144
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		2.024.660.932.861	1.673.807.776.138
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		1.968.172.073.711	1.650.520.619.540
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	44.046.278.376	37.365.346.217
- Nguyên giá	222		68.632.122.736	61.347.018.456
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(24.585.844.360)	(23.981.672.239)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	8.680.073.854	6.146.963.482
- Nguyên giá	225		11.695.069.062	8.477.245.909
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(3.014.995.208)	(2.330.282.427)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	872.276.851	473.813.279
- Nguyên giá	228		1.297.643.088	824.332.088
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(425.366.237)	(350.518.809)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.914.573.444.630	1.606.534.496.562
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0

- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	22.060.000.000	18.406.543.633
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14.880.000.000	11.226.543.633
3. Đầu tư dài hạn khác	258		7.180.000.000	7.180.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.14	34.428.859.150	4.880.612.965
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		33.867.385.074	4.116.497.998
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		561.474.076	764.114.967
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.824.004.272.787	3.178.533.059.484
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3.295.531.799.295	2.684.479.135.725
I. Nợ ngắn hạn	310		1.276.221.532.737	1.172.579.090.885
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	380.298.029.415	391.354.176.836
2. Phải trả người bán	312		51.827.611.329	66.709.241.183
3. Người mua trả trước	313		228.316.063.491	169.867.252.147
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	11.942.084.120	7.094.917.100
5. Phải trả người lao động	315		2.847.758.006	3.436.353.588
6. Chi phí phải trả	316	V.17	50.021.799.734	33.097.593.617
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	550.246.563.223	500.044.176.311
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	320		-	-
11. Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	323		721.623.419	975.380.103
II. Nợ dài hạn	330		2.019.310.266.558	1.511.900.044.840
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		640.573.410.954	420.138.750.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	1.377.966.392.059	1.090.835.686.820
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		240.014.483	240.014.483
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		530.449.062	685.593.537
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400		484.298.982.815	460.531.296.421
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	484.298.982.815	460.531.296.421
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		349.976.000.000	349.976.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		72.257.032.987	72.292.032.987
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch giá đánh lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.990.800.901	6.201.950.511
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.460.394.929	2.579.683.293
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		34.825.326	34.825.326
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		36.579.928.672	29.446.804.304
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
C - Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		44.173.490.677	33.522.627.338
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)			3.824.004.272.787	3.178.533.059.484

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	01		2.103.739.050	2.103.739.050
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		459.575.032	459.575.032
5. Ngoại tệ các loại	05			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06			

Lập, ngày 19 tháng 08 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhân

Phạm Văn Lương

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh
 Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
 Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính hợp nhất**Quý II năm tài chính 2011**

Mẫu số B02 - DN/HN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	351.074.823.804	246.820.794.780	572.197.139.658	354.410.084.697
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	1.329.875.656	-	40.662.871.744	340.537.726
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	349.744.948.148	246.820.794.780	531.534.267.914	354.069.546.971
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	319.854.890.922	205.924.952.892	453.534.825.502	303.154.858.696
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		29.890.057.226	40.895.841.888	77.999.442.412	50.914.688.275
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	9.203.579.075	3.966.595.449	14.360.845.923	6.140.121.127
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	1.577.285.629	5.273.337.093	2.562.072.205	5.752.817.654
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.464.054.515</i>	<i>4.523.337.093</i>	<i>2.373.841.091</i>	<i>5.002.817.654</i>
8. Chi phí bán hàng	24		64.075.127	0	500.426.278	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.305.665.576	15.183.045.545	14.811.922.039	23.050.705.630
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		28.146.609.969	24.406.054.699	74.485.867.813	28.251.286.118
11. Thu nhập khác	31		323.067.251	6.154.896.591	801.974.293	19.867.283.724
12. Chi phí khác	32		256.178.772	697.614.439	676.060.326	8.754.257.269
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		66.888.479	5.457.282.152	125.913.967	11.113.026.455
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		0		0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		28.213.498.448	29.863.336.851	74.611.781.780	39.364.312.573
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	5.390.752.202	7.519.794.957	16.626.060.247	11.427.912.036
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			0	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		22.822.746.246	22.343.541.894	57.985.721.533	27.936.400.537
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		474	1.647	1.465	2.038
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	71		6.241.362.532	114.026.389	6.709.520.081	428.594.418
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	72		16.581.383.714	22.229.515.505	51.276.201.452	27.507.806.119

Lập, ngày 19 tháng 08 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhân

Phạm Văn Lương

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh
 Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
 Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính hợp nhất**Quý II năm tài chính 2011**

Mẫu số B03 - DN/HN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý II Năm 2011*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết Minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		595.744.778.884	600.830.714.287
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(334.942.968.783)	(893.377.722.873)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.789.444.851)	(21.051.373.809)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(42.293.398.660)	(16.252.341.080)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(13.497.540.273)	(5.694.869.776)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		173.577.351.337	1.185.462.807.151
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(192.697.162.211)	(535.092.190.506)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		167.101.615.443	314.825.023.394
II - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(322.411.900.100)	(191.105.765.814)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	2.505.136.363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(345.780.949.200)	(962.824.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		359.213.244.975	468.527.519.363
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(3.440.000.000)	(8.197.297.131)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn góp vào các đơn vị khác	26		-	263.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.172.804.382	6.448.945.811
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(302.246.799.943)	(684.382.961.408)
III - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		4.535.000.000	42.087.374.500
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		637.597.174.383	580.540.421.624
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(342.464.707.105)	(169.423.473.478)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(529.016.025)	(455.960.182)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23.322.624.695)	(439.744.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		275.815.826.558	452.308.617.664
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		140.670.642.058	82.750.679.650
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		125.196.917.663	166.997.084.053
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		265.867.559.721	249.747.763.703

*Lập, ngày 19 tháng 08 năm 2011***Người lập****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Lê Thị Ngọc****Phạm Thị Nhân****Phạm Văn Lương**

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tasco được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 26 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 27 tháng 07 năm 2007. Do công ty chuyển trụ sở chính lên Hà Nội nên ngày 26/12/2007 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021321, thay đổi lần 4 ngày 26/1/2010, thay đổi lần 5 ngày 27/4/2010, thay đổi lần 6 ngày 27/8/2010.

Vốn điều lệ của Công ty là 349.976.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn phát triển nhà và đô thị (HUD)	4.524.480	45.244.800.000	12,928%
Các cổ đông khác	30.473.120	304.731.200.000	87,072%
Tổng	34.997.600	349.976.000.000	100%

Công ty được cấp giấy phép niêm yết Cổ phiếu theo Quyết định số 125/QĐ-TTGDHN ngày 04/04/2008 do Giám đốc Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội ký, chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Tasco. Ngày 04/04/2008, Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội).

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 33 Tòa nhà M5 – Số 91 Nguyễn Chí Thanh – Phường Láng Hạ - Quận Đống Đa – Thành phố Hà Nội.

2- Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp, dịch vụ

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật. San lấp mặt bằng;
- Xây lắp điện, nước;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;
- Mua bán, cho thuê, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Dịch vụ du lịch, nhà hàng, ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

- Kinh doanh phát triển nhà ở; kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh;
- Xây dựng công trình điện (nhiệt điện, thủy điện);
- Sản xuất điện;
- Đại lý bán điện;
- Kinh doanh, khai thác công trình kết cấu hạ tầng;
- Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Kinh doanh bãi đỗ xe và gara.

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là xây dựng các công trình hạ tầng cơ sở: Giao thông, thủy lợi, XD dân dụng, xây lắp điện, kinh doanh phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản, dịch vụ thu gom xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác... , các công trình này được đầu tư chủ yếu bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Khối lượng xây lắp hoàn thành sau khi giữ lại % bảo hành công trình được thanh toán theo kế hoạch vốn ngân sách hàng năm, dẫn đến các khoản phải thu từ khách hàng lớn. Khối lượng xây lắp hoàn thành khi quyết toán có thể bị cắt giảm làm xuất hiện các khoản giảm trừ doanh thu ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh.

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1- Kỳ kế toán quý bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm dương lịch.
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng: Thực hiện theo Quyết định số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần TASCO có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập các báo cáo tài chính này, Ban lãnh đạo Công ty đã phải:

- Tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành; Bao gồm:
 - 1- Chuẩn mực số 01 - Chuẩn mực chung;
 - 2- Chuẩn mực số 02 - Hàng tồn kho;
 - 3- Chuẩn mực số 03 - Tài sản cố định hữu hình;
 - 4- Chuẩn mực số 04 - Tài sản cố định vô hình;

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

- 5- Chuẩn mực số 06 - Thuê tài sản.
- 6- Chuẩn mực số 07 – Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- 7- Chuẩn mực số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.
- 8- Chuẩn mực số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái;
- 9- Chuẩn mực số 15 - Hợp đồng xây dựng;
- 10- Chuẩn mực số 16 - Chi phí đi vay;
- 11- Chuẩn mực số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- 12- Chuẩn mực số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng;
- 13- Chuẩn mực số 21 - Trình bày báo cáo tài chính;
- 14- Chuẩn mực số 23 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- 15- Chuẩn mực số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- 16- Chuẩn mực số 25 - BCTC hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con;
- 17- Chuẩn mực số 26 - Thông tin về các bên liên quan.
- 18- Chuẩn mực số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- 19- Chuẩn mực số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.
- 20- Chuẩn mực số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Hệ thống kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện và chế độ kế toán hiện hành tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần TASCO xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu trữ và trình bày hợp lý, đầy đủ để có thể phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính này tuân thủ theo các nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận tại Việt Nam. Ban lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

3- Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với Đồng Việt Nam, nếu có, được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng, chi phí sản xuất trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty phản ánh các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp cho các công trình xây dựng cơ bản chưa hoàn thành tại thời điểm kết thúc các niên độ kế toán.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng giá thành phẩm của các công trình xây dựng được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì vào cuối kỳ kế toán năm, được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
2. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
3. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

4. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Tài sản hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế, Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó.

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ vô hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do tài sản đó mang lại;
2. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
3. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
4. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người đi thuê. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê phát sinh được phản ánh trong sổ dư phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Giá trị phải khấu hao của TSCĐ hữu hình được phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng. Phương pháp khấu hao áp dụng là phương pháp khấu hao đường thẳng. Số khấu hao của từng kỳ được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chúng được tính vào giá trị của các tài sản khác, như: Khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho các hoạt động trong giai đoạn triển khai là một bộ phận chi phí cấu thành nguyên giá TSCĐ vô hình (theo quy định của chuẩn mực TSCĐ vô hình), hoặc chi phí khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho quá trình tự xây dựng hoặc tự chế các tài sản khác.

Giá trị phải khấu hao của TSCĐ vô hình được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính hợp lý của nó. Phương pháp khấu hao áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng. Việc trích khấu hao được bắt đầu từ ngày đưa TSCĐ vô hình vào sử dụng.

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được phân bổ và hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê của tài sản. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê tài chính được ước tính phù hợp với thời gian sử dụng ước tính và thời gian thuê của tài sản cố định hữu hình.

4- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con là các khoản vốn góp chiếm tỷ lệ trên 50% trong tổng số vốn điều lệ của công ty con, Công ty mẹ có quyền chi phối về các chính sách tài chính, về các hoạt động của công ty con. Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tasco được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của công ty mẹ, Các khoản lợi nhuận nhận được từ hoạt động của các công ty con sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo riêng của công ty mẹ khi có thông báo của HĐQT các công ty con về việc phân chia lợi nhuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011 Công ty đã góp vốn thành lập năm (05) công ty con bằng giá trị các tài sản cố định được đánh giá lại và giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ, tiền mặt.

Thông tin chi tiết về công ty con như sau:

TT	Tên công ty	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu vốn của công ty mẹ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh
1.	Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	Hà Nội	51,00	51,00	Xây lắp
2.	Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	Nam Định	51,00	51,00	Xây lắp
3.	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	51,00	51,00	Xây lắp
4.	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100	100	Dịch vụ
5.	Công ty Cổ phần Tasco Thủ đô	Hà Nội	51,00	51,00	KD, MG bất động sản

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được xác định theo giá gốc.

5- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay phải ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực số 16. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: các chi phí phát sinh cho các công cụ dụng cụ được đưa vào sử dụng. Chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

- Chi phí khác bao gồm: chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản phát sinh trong kỳ được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ tuyến tính vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ 2-3 năm.

7- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí phải trả bao gồm: các khoản lãi vay, tiền lương, chi phí văn phòng phải trả chưa phát sinh thanh toán đã được tính toán chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy đảm bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh. Việc trích trước các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ để đảm bảo khi các khoản chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh.

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

- Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý, nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện xảy ra, sự giảm sút về lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại, tại ngày kết thúc năm tài chính.

9- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp cổ phần và được bổ xung từ chia cổ phiếu thưởng theo nghị quyết của đại hội cổ đông.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với Đồng Việt Nam, nếu có, được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối được trình bày trên báo cáo tài chính là số lãi của doanh nghiệp bao gồm cả lãi từ đầu tư vào các công ty con sau khi đã trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay và các khoản điều chỉnh do sai sót trọng yếu của năm trước.

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và quyền lợi đã được chuyển cho người mua, Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, và đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của việc cung cấp dịch vụ tại ngày báo cáo. Tỷ lệ hoàn thành được xác định thông qua nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận khi khả năng thu tiền, ước tính hợp lý các chi phí của việc bán hàng hay khả năng hàng bán bị trả lại là không chắc chắn.

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Doanh thu tài chính được ghi nhận trên cơ sở tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định khi khối lượng hoàn thành hợp đồng xây dựng được ước tính hợp lý. Việc xác định doanh thu của hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy doanh thu của hợp đồng xây dựng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ. Doanh thu và chi phí hợp đồng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành hợp đồng. Tỷ lệ hoàn thành được xác định thông qua nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện. Lỗ ước tính của hợp đồng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngay khi phát sinh.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Chi phí lãi vay tài chính phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh một phần, phần còn lại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình có sử dụng vốn vay đó.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%. Lợi nhuận chịu thuế được ước tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận cho mục đích tính thuế. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về mức thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: đồng

1 -	Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối kỳ	Đầu năm
	- Tiền mặt	1.220.308.527	1.773.314.340
	- Tiền gửi ngân hàng	117.304.825.663	56.725.103.323
	- Tiền đang chuyển	0	2.500.000.000
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	147.342.425.531	64.198.500.000
	Cộng	265.867.559.721	125.196.917.663
2 -	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
	- Đầu tư ngắn hạn khác	59.143.638.991	68.214.032.703
	<i>Trong đó: Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>45.243.219.751</i>	<i>40.864.032.703</i>
	Cộng	59.143.638.991	68.214.032.703

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

3 - Các khoản phải thu ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	0	2.318.200.000
- Phải thu khác	19.555.859.562	67.972.652.314
Cộng	19.555.859.562	70.290.852.314

4 - Hàng tồn kho	Cuối kỳ	Đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	2.103.568.429	6.010.821.708
- Công cụ, dụng cụ	416.874.466	523.170.046
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	220.857.312.549	163.176.998.540
Cộng giá gốc hàng tồn kho	223.377.755.444	169.710.990.294

Nguyên vật liệu tồn kho chủ yếu là cát, đá, xi măng, sắt thép nhập về phục vụ thi công công trình chưa sử dụng hết trong kỳ tài chính được quản lý tại kho công trường; công cụ dụng cụ tồn kho chủ yếu là vật tư luân chuyển.

5 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Cuối kỳ	Đầu năm
- Thuế GTGT	829.599.643	734.304.443
- Các khoản phải thu Nhà nước	390.399.500	390.399.500
Cộng	1.219.999.143	1.124.703.943

8 - Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

(Phụ lục 01)

Tài sản cố định hữu hình tăng trong kỳ là do mua sắm mới, tăng do XD CB hoàn thành bàn giao của dự án “Hiện đại hóa trạm thu phí Tân Đệ”.

Tài sản cố định hữu hình giảm trong kỳ là do Công ty nhượng bán, thanh lý tài sản.

9 - Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

(Phụ lục 02)

10 - Tăng giảm tài sản cố định vô hình

(Phụ lục 03)

Tài sản cố định vô hình tăng do XD CB hoàn thành bàn giao của dự án “Hiện đại hóa trạm thu phí Tân Đệ”.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

11 - Xây dựng cơ bản dở dang	Cuối kỳ	Đầu năm
- Dự án trụ sở Công ty, VP cho thuê Pháp Vân	9.367.176.968	5.736.216.873
- Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 10	270.449.368.086	242.526.842.644
- Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 21	254.349.102.426	233.469.963.798
- Dự án Đường Lê Đức Thọ	236.921.878.059	196.782.751.062
- Dự án rác thải	1.848.690.817	1.848.690.817
- Dự án thủy điện	1.616.199.622	1.616.199.622
- Dự án BT Quốc lộ 21	293.872.166.813	109.201.993.010
- Dự án Đơn vị ở số 1	8.656.649.726	8.397.680.138
- Dự án Đơn vị ở số 2	43.493.879.798	31.341.719.375
- Dự án Đơn vị ở số 3	335.512.572.552	309.019.971.762
- Dự án Khu đô thị mới Vân Canh - Hoài Đức	450.253.789.269	424.658.134.873
- Dự án Khu đất 48 Trần Duy Hưng	997.188.715	635.554.374
- Dự án hiện đại hóa trạm thu phí Tân Đệ	366.136.684	4.786.786.408
- Dự án BT 39	5.459.182.524	35.705.560.694
- Các dự án khác	1.409.462.571	806.431.112
Cộng	1.914.573.444.630	1.606.534.496.562

- Trong kỳ, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án “Hiện đại hóa trạm Tân Đệ” giảm do Công ty hạch toán tăng tài sản cố định đối với giá trị XDCB hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

- Năm 2010, Công ty chuyển giao Dự án Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường 39B đoạn từ thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương đến thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Dự án BT 39) cho doanh nghiệp dự án (Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái) tổ chức thực hiện. Trong kỳ, dự án BT 39 đã nghiệm thu phân khối lượng hoàn thành nên chi phí dự án được kết chuyển tương ứng doanh thu để xác định kết quả kinh doanh.

13 - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Đầu tư vào công ty liên kết	14.880.000.000	11.226.543.633
- Đầu tư dài hạn khác	7.180.000.000	7.180.000.000
Cộng	22.060.000.000	18.406.543.633

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
b) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết				
1. - Công ty CP Tasco Xuân Ngọc	180.000	1.800.000.000	180.000	1.891.452.666
2. - Công ty CP Tasco Thăng Long	180.000	1.800.000.000	180.000	1.801.462.631
3. - Công ty CP Tasco 10	353.000	3.530.000.000	353.000	3.310.882.207
4. - Công ty CP Tasco 3	66.000	660.000.000	66.000	715.105.190
5. - Công ty CP Tasco Trường Phát	224.000	2.240.000.000	224.000	2.381.324.629
6. - Công ty CP ĐT và XD Trường Giang	180.000	1.800.000.000	36.000	54.023.886
7. - Công ty CP ĐT và XD Tiến Phát	105.000	1.050.000.000	105.000	1.072.292.423
8. - Công ty CP D-Tech	200.000	2.000.000.000		
Cộng	1.488.000	14.880.000.000	1.144.000	11.226.543.633

Ngày 22/12/2010, Hội đồng quản trị đã có Quyết định số 36/QĐ-HĐQT về việc góp vốn vào Công ty Cổ phần D-Tech với số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng./.) tương ứng với 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần D-Tech.

c) Đầu tư dài hạn khác

- Đầu tư dài hạn khác	718.000	7.180.000.000	718.000	7.180.000.000
Cộng	718.000	7.180.000.000	718.000	7.180.000.000

Số dư đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2010 của Công ty là giá trị đầu tư góp vốn vào một số công ty khác với tỷ lệ cổ phần sở hữu dưới 20% .

14 - Tài sản dài hạn khác	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	8.749.997	163.044.251
- Chi phí trả trước dài hạn	33.858.635.077	3.953.453.747
- Tài sản dài hạn khác	561.474.076	764.114.967
Cộng	34.428.859.150	4.880.612.965
15 - Vay và nợ ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vay ngắn hạn	372.230.889.832	383.252.054.133
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	73.431.111.285	82.810.588.870

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội	65.157.432.783	67.752.824.001
+ Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	44.198.059.632	77.823.641.262
+ Ngân hàng TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	18.029.886.675	11.515.000.000
+ Ngân hàng TMCP Hàng hải - CN Nam Định	17.776.000.000	0
+ Ngân hàng NN & PTNT VN - CN Thái Bình	20.349.003.753	0
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bắc Ninh	3.439.395.704	0
+ Vay đối tượng khác	129.850.000.000	143.350.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	8.067.139.583	8.102.122.703
Cộng	380.298.029.415	391.354.176.836

Trong đó:

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

Các khoản vay theo Công văn số 1456/TB-QHKH2 ngày 05/07/2011 của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định, mức dư nợ ngắn hạn tối đa là 153.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi ba tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2012. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2011 số 01/2011/HĐTDHM ngày 01/07/2011, mức dư nợ tối đa là 125.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2012. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội (ABBANK):

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 50.10/HĐTD/II.20 ngày 26/4/2010, mức dư nợ tối đa là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay của mỗi món vay được ghi trên giấy nhận nợ không quá 10 tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quy định của ABBANK, điều chỉnh 3 tháng/lần, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ tại thời điểm nhận nợ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty cam kết cầm cố/thế chấp cho ngân hàng quyền phải thu từ các hợp đồng thi công xây dựng các công trình được ABBANK chấp thuận.

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Dầu khí – Chi nhánh Thăng Long

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0022/HĐTDHM-GPBTLG/10 ngày 29/12/2010, mức dư nợ tối đa là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

01 tháng/1 lần vào ngày 10 hàng tháng và được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty thế chấp các khoản phải thu/quyền đòi nợ khách hàng của Công ty; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

- Khoản vay Ngân hàng để thực hiện dự án BT39:

Theo Hợp đồng tín dụng số 09/HĐTD ngày 11/11/2010 ký kết giữa Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình, Ngân hàng TMCP hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Nam Định, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Bắc Ninh và Công ty CP Tasco, Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái (doanh nghiệp dự án): Trước ngày kết thúc kỳ hạn rút vốn, các bên cho vay đồng ý cấp cho bên vay mỗi khoản vay có thời hạn vay tối đa 12 tháng (vay ngắn hạn) bằng đồng Việt Nam với tổng số tiền gốc tối đa không vượt quá 1.300.000.000.000 đồng (Tỷ lệ Ngân hàng NN & PTNT VN Chi nhánh Thái Bình: 800.000.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP hàng hải VN Chi nhánh Nam Định: 300.000.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á Chi nhánh Bắc Ninh: 200.000.000.000 đồng). Mục đích khoản vay: Thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp đường 39B đoạn từ Thị trấn Thanh Nê – Huyện Kiến Xương đến thị trấn Diêm Điền – Huyện Thái Thụy – tỉnh Thái Bình”.

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Thăng Long

Hợp đồng tín dụng hạn mức số SHBTL10112010 ngày 10/11/2010, mức dư nợ tối đa là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Các quyền đòi nợ chưa phát sinh hoặc đã phát sinh theo hợp đồng kinh tế đã được ký kết, Bên vay chưa thực hiện/đã thực hiện xong một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ bán/cung cấp hàng hóa/dịch vụ nhưng chưa được thanh toán hoặc đã được thanh toán một phần.

16 -	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Cuối kỳ	Đầu năm
	- Thuế giá trị gia tăng	1.554.901.815	0
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.101.346.069	6.967.155.463
	- Thuế thu nhập cá nhân	285.836.236	127.761.637
	Cộng	11.942.084.120	7.094.917.100

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ là số thuế Công ty được gia hạn nộp thuế theo Quyết định số 21/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 06 tháng 04 năm 2011

17 -	Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
	- Trích trước chi phí Trạm Tân Đệ, Mỹ Lộc	30.781.673.965	26.302.976.181
	- Chi phí phải trả	19.240.125.769	6.794.617.436
	Cộng	50.021.799.734	33.097.593.617

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

Từ năm 2010, Công ty tạm trích trước chi phí khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của Trạm thu phí Tân Đệ và Mỹ Lộc theo Công văn số 18169/BTC-CST ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

18 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu năm
- Kinh phí công đoàn	869.577.748	563.057.183
- Bảo hiểm xã hội	232.796.929	31.680.175
- Bảo hiểm y tế	19.599.414	5.129.974
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.710.850	
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	549.115.878.282	499.444.308.979
Cộng	550.246.563.223	500.044.176.311

Trong đó:

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác gồm khoản vay, góp vốn phục vụ dự án Khu đô thị mới Vân Canh – Hoài Đức – Hà Tây, dự án South Building; các khoản phải trả đội thi công công trình, và một số khoản khác.

20 - Vay và nợ dài hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
a Vay dài hạn	1.373.038.489.357	1.087.695.200.286
- Vay ngân hàng	1.197.603.189.357	887.204.900.286
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	409.437.212.218	416.420.173.218
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội	25.125.057.249	16.546.780.182
+ Ngân hàng Phát triển VN - CN Nam Định	353.471.111.111	302.971.111.111
+ Ngân hàng Phát triển VN - Sở GD I	147.637.734.230	147.637.734.230
+ NH TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	913.000.000	479.000.000
+ NH TMCP Á Châu	249.920.000	312.440.000
+ NH TMCP Kỹ thương VN - CN Nam Định	2.353.388.893	1.967.888.889
+ NH TMCP Kỹ thương VN - PGD Xuân La	133.618.656	178.618.656
+ NH TMCP Kỹ thương VN Linh Đàm	293.886.000	370.554.000
+ Ngân hàng NN & PTNT Thái Bình	98.155.000.000	
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bắc Ninh	54.000.000.000	
+ Ngân hàng TMCP nhà	105.571.461.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

+ NH TMCP An Bình - CN Hà Nội	261.800.000	320.600.000
- Vay đối tượng khác	430.300.000	490.300.000
- Trái phiếu phát hành	175.005.000.000	200.000.000.000
b Nợ dài hạn	4.927.902.702	3.140.486.534
- Thuê tài chính	4.927.902.702	3.140.486.534
Cộng	1.377.966.392.059	1.090.835.686.820

Trong đó:

- Các khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 10/2008/HĐTDĐT ngày 20/8/2009, số tiền vay tối đa 236.780.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian trả nợ gốc 13 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất theo quy định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng.

+ Hợp đồng số 11/2008/HĐTDĐT tháng 9/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất theo quy định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội:

+ Hợp đồng số 01/2008/H ĐTDTH ngày 19/11/2008, số tiền vay tạm tính (gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi) 33.820.000.000 đồng, thời hạn vay 7 năm, thời hạn trả nợ gốc 5 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900 – Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình. Lãi suất 03 tháng đầu tiên 15,8%/năm, lãi suất thay đổi 3 tháng/1 lần.

Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.

+ Hợp đồng số 01/2010/HĐTDTH ngày 25/06/2010, số tiền vay 74.396.000.000 đồng (gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi), thời hạn vay 46 tháng, thời gian ân hạn 22 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên nhưng tối đa không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay để thực hiện dự án: Xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ (điểm cuối giao với đường 70) theo hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) số 68/HĐBT giữa UBND Huyện Từ Liêm và Công ty Cổ phần Tasco. Lãi suất vay áp dụng lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 3 tháng/ 1 lần, lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm nhận nợ vay là 14%/năm, lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo theo thông báo lãi suất trung dài hạn của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội tại thời điểm điều chỉnh.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

- + Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 6 tháng/1 lần chi tiết theo các khoản giải ngân.
- Khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Sở GD I:
 - + Theo hợp đồng số 01/2009/HĐTĐĐT-NHPT ngày 27/3/2009 và phụ lục hợp đồng số 01.01/2010/HĐSĐTĐĐT/NHPT.SGDI số tiền vay tối đa đầu tư giai đoạn I của dự án 364.000.000.000 đồng, thời hạn vay 46 tháng, mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70). Lãi suất 6,9%/năm, lãi suất quá hạn 10,35%.
- Khoản vay dài hạn Ngân hàng để thực hiện dự BT21:

Theo Hợp đồng tín dụng số 02/2010 HĐTD ngày 17/12/2010 ký giữa Ngân hàng ĐT & PTVN – Chi nhánh Nam Định, Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội – Sở GD 1 và Công ty Cổ phần Tasco, Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco (doanh nghiệp dự án): Khoản vay với tổng số tiền gốc tối đa không vượt quá 2.592.000.000.000 đồng (theo tỷ lệ Ngân hàng đầu tư và phát triển VN Chi nhánh Nam Định: 1.944.000.000.000 đồng; Ngân hàng thương mại cổ phần Nhà Hà Nội: 648.000.000.000 đồng). Mục đích khoản vay: Thực hiện dự án “*Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ mới Phủ Lý-Mỹ Lộc theo hình thức hợp đồng BT*” – Dự án BT 21. Thời hạn vay phù hợp với tiến độ triển khai của dự án với điều kiện: Thời gian giải ngân tối đa là 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và thời gian cho vay thu nợ đối với mỗi khoản vay tối đa là 18 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay.
- Khoản vay dài hạn Ngân hàng để thực hiện dự án BT39:

Theo Hợp đồng tín dụng số 09/HĐTD ngày 11/11/2010 ký giữa Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình, Ngân hàng TMCP hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Nam Định, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Bắc Ninh và Công ty CP Tasco, Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái (doanh nghiệp dự án): Trước ngày kết thúc kỳ hạn rút vốn, các bên cho vay đồng ý cấp cho bên vay mỗi khoản vay có thời hạn vay tối đa 54 tháng (vay trung hạn) bằng đồng Việt Nam với tổng số tiền gốc tối đa không vượt quá 500.000.000.000 đồng (Tỷ lệ Ngân hàng NN & PTNT VN Chi nhánh Thái Bình: 300.000.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP hàng hải VN Chi nhánh Nam Định: 100.000.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á Chi nhánh Bắc Ninh: 100.000.000.000 đồng). Mục đích khoản vay: Thực hiện dự án “*Đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp đường 39B đoạn từ Thị trấn Thanh Nê – Huyện Kiến Xương đến thị trấn Diêm Điền – Huyện Thái Thụy – tỉnh Thái Bình*” – Dự án BT 39.

Căn cứ phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi năm 2011 đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 17 tháng 04 năm 2011 cũng như phương án phát hành chi tiết trái phiếu chuyển đổi năm 2011 tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 04 năm 2011 phát hành tối đa 250.000 trái phiếu chuyển đổi năm 2011; đối với phần Trái phiếu chuyển đổi năm 2010 HUT-CB2010 đăng ký không chuyển đổi thì trái chủ có quyền mua trái phiếu chuyển đổi năm 2011 HUT-CB2011 với tỷ lệ 1:1,25. Công ty cổ phần Tasco đã thực hiện chào bán vào ngày 12 tháng 05 năm 2011.

Kết quả đợt chào bán trái phiếu năm 2011 HUT-CB2011 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

- Tổng số trái phiếu đã phân phối 175.005 trái phiếu, chiếm 70% tổng số trái phiếu phát hành
- Mục đích sử dụng vốn cho đợt phát hành trái phiếu 2011 để đầu tư vào các dự án: Dự án đơn vị ở số 3 và đơn vị ở số 2 khu đô thị mới Xuân Phương, Dự án khu nhà ở báo nhân dân và văn phòng Trung ương đảng và bổ sung vốn lưu động.

22 - Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

(Phụ lục 04)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn góp của Tập đoàn PT nhà và đô thị - HUD	45.244.800.000	45.244.800.000
- Vốn góp của cổ đông khác	304.731.200.000	304.731.200.000
Cộng	349.976.000.000	349.976.000.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp tại ngày đầu năm</i>	<i>349.966.000.000</i>	<i>135.000.000.000</i>
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>		<i>214.976.000.000</i>
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>		
+ <i>Vốn góp tại ngày cuối năm</i>	<i>349.966.000.000</i>	<i>349.976.000.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		27.000.000.000
d. Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>34.997.600</i>	<i>34.997.600</i>
<i>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu</i>		
- Số lượng cổ phiếu chưa lưu hành		
e. Các quỹ của doanh nghiệp	Cuối kỳ	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	18.990.800.901	6.201.950.511
- Quỹ dự phòng tài chính	6.460.394.929	2.579.683.293
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	34.825.326	34.825.326
Cộng	25.486.021.156	8.816.459.130

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển hình thành từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh và được sử dụng cho mục đích đầu tư của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

Quỹ dự phòng tài chính được hình thành từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh nhằm đề phòng những tổn thất, thiệt hại bất ngờ do những nguyên nhân khách quan, bất khả kháng mang lại và khi gặp rủi ro, thua lỗ trong kinh doanh đảm bảo cho doanh nghiệp hoạt động bình thường.

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

		Đơn vị tính: đồng	
		Quý II-2011	Quý II-2010
25 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
- Doanh thu bán hàng		0	57.475.278.344
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		17.855.734.163	11.239.377.294
- Doanh thu hoạt động xây lắp		333.219.089.641	178.106.139.142
Cộng		351.074.823.804	246.820.794.780
26 - Các khoản giảm trừ doanh thu		Quý II-2011	Quý II-2010
Trong đó:			
- Giảm giá hàng bán		1.329.875.656	
Cộng		1.329.875.656	0
27 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV		Quý II-2011	Quý II-2010
- Doanh thu thuần		349.744.948.148	246.820.794.780
28 - Giá vốn hàng bán		Quý II-2011	Quý II-2010
- Giá vốn hàng hóa		0	31.078.826.811
- Giá vốn của dịch vụ		11.437.338.502	9.228.954.164
- Giá vốn hoạt động xây lắp		308.417.552.420	165.617.171.917
Cộng		319.854.890.922	205.924.952.892
29 - Doanh thu hoạt động tài chính		Quý II-2011	Quý II-2010
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay		9.162.165.224	3.966.595.449
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		41.413.851	
Cộng		9.203.579.075	3.966.595.449
30 - Chi phí tài chính		Quý II-2011	Quý II-2010
- Lãi tiền vay		1.464.054.515	4.523.337.093

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

- Chi phí tài chính khác	113.231.114	750.000.000
Cộng	1.577.285.629	5.273.337.093
31 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý II-2011	Quý II-2010
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.390.752.202	7.519.794.957
Cộng	5.390.752.202	7.519.794.957

VII- Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Những khoản nợ khó đòi, những khoản nợ không có khả năng thu hồi đã được Công ty phân loại tuổi nợ, phân tích, đánh giá và trích lập dự phòng.

3. Thông tin liên quan:

Trong kỳ kế toán, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các giao dịch mua:	Quý II-2011	Quý II-2010
Công ty TNHH MTV TASCO 6	1.620.894.004	1.801.132.300
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	7.053.549.224	75.276.820
Công ty Cổ phần Xây dựng TASCO	55.162.397.607	25.316.092.728
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	2.902.516.993	
Cộng	66.739.357.828	27.192.501.848
Các giao dịch bán:	Quý II-2011	Quý II-2010
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	327.273	
Công ty Cổ phần Xây dựng TASCO	191.713.636	
Cộng	192.040.909	0
Các khoản phải thu khách hàng:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH MTV TASCO 6	1.275.088.322	889.873.002
Công ty Cổ phần Tasco Thủ Đô	277.368.145	277.368.145
Công ty Cổ phần Xây dựng TASCO	76.922.788.308	78.016.333.157
Cộng	78.475.244.775	79.183.574.304
Các khoản phải trả người bán:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng TASCO	11.486.505.068	3.628.203.645

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam		2.287.457.307
---------------------------------	--	---------------

Cộng	11.486.505.068	5.915.660.952
-------------	-----------------------	----------------------

Các khoản phải thu khác:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH MTV TASCO 6	255.056.321	255.056.321
Công ty Cổ phần Xây dựng TASCO	50.000.000	1.224.000.000
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	4.123.935.553	1.244.971.102
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam		367.200.000
Cộng	4.428.991.874	3.091.227.423

Trả trước cho người bán:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	25.977.214.471	14.919.145.212
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	9.933.527.018	16.200.000.000
Cộng	35.910.741.489	31.119.145.212

5. Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ báo cáo kết thúc ngày 30/06/2010.

7. Những thông tin khác:

Lập, ngày 19 tháng 08 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhân

Phạm Văn Lương

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

Phu lục 01: Tăng giảm TSCĐ hữu hình

TT	Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TS Hữu hình khác	Tổng cộng
A	NGUYÊN GIÁ						
I	Nguyên giá TSCĐ hữu hình	20.606.210.047	23.227.724.052	10.674.778.834	4.448.049.338	2.390.256.185	61.347.018.456
	Số dư đầu năm	20.606.210.047	23.227.724.052	10.674.778.834	4.448.049.338	2.390.256.185	61.347.018.456
II	Tăng trong kỳ	0	2.064.324.946	3.763.978.073	4.791.209.633	16.363.636	10.635.876.288
1	Mua trong kỳ	0	724.498.182	3.188.978.073	466.511.451	16.363.636	4.396.351.342
2	Đầu tư XDCB hoàn thành	0	0	0	4.324.698.182	0	4.324.698.182
3	Tăng khác	0	1.339.826.764	575.000.000	0	0	1.914.826.764
III	Giảm trong kỳ	2.775.772.008	0	575.000.000	0	0	3.350.772.008
1	Thanh lý, nhượng bán	0	0	575.000.000	0	0	575.000.000
2	Giảm khác	2.775.772.008	0	0	0	0	2.775.772.008
IV	Số dư cuối kỳ	17.830.438.039	25.292.048.998	13.863.756.907	9.239.258.971	2.406.619.821	68.632.122.736
B	GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
I	Số dư đầu năm	4.779.424.603	14.398.444.850	2.945.828.186	1.835.123.104	22.851.496	23.981.672.239
II	Tăng trong kỳ	955.284.739	1.172.717.851	1.736.528.628	133.347.519	48.904.914	4.046.783.651
1	Khấu hao trong kỳ	955.284.739	1.172.717.851	1.736.528.628	133.347.519	48.904.914	4.046.783.651
III	Giảm trong kỳ	23.450.445	3.299.369.418	119.791.666	0	0	3.442.611.529
1	Thanh lý, nhượng bán	0	0	119.791.666	0	0	119.791.666
2	Giảm khác	23.450.445	3.299.369.418	0	0	0	3.322.819.863
IV	Số dư cuối kỳ	5.711.258.897	12.271.793.283	4.562.565.148	1.968.470.623	71.756.410	24.585.844.360
C	GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TSCĐ HỮU HÌNH						
I	Tại ngày đầu năm	15.826.785.444	8.829.279.202	7.728.950.648	2.612.926.234	2.367.404.689	37.365.346.217
II	Tại ngày cuối kỳ	12.119.179.142	13.020.255.715	9.301.191.759	7.270.788.348	2.334.863.411	44.046.278.376

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

Phụ lục 02 : Tăng giảm TSCĐ thuê tài chính

TT	Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
A	NGUYÊN GIÁ				
I	Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính	4.887.410.389	2.525.399.156	1.064.436.364	8.477.245.909
	Số dư đầu năm	4.887.410.389	2.525.399.156	1.064.436.364	8.477.245.909
II	Tăng trong kỳ	0	0	3.217.823.153	3.217.823.153
1	Thuê tài chính trong năm	0	0	3.217.823.153	3.217.823.153
III	Giảm trong kỳ	0	0	0	0
IV	Số dư cuối kỳ	4.887.410.389	2.525.399.156	4.282.259.517	11.695.069.062
B	GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ				
I	Số dư đầu năm	970.619.753	1.306.440.856	53.221.818	2.330.282.427
II	Tăng trong kỳ	382.142.758	177.080.190	125.489.833	684.712.781
1	Khấu hao trong kỳ	382.142.758	177.080.190	125.489.833	684.712.781
III	Giảm trong kỳ	0	0	0	0
IV	Số dư cuối kỳ	1.352.762.511	1.483.521.046	178.711.651	3.014.995.208
C	GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TSCĐ THUÊ TC				
I	Tại ngày đầu năm	3.916.790.636	1.218.958.300	1.011.214.546	6.146.963.482
II	Tại ngày cuối kỳ	3.534.647.878	1.041.878.110	4.103.547.866	8.680.073.854

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

Phụ lục 03: Tăng giảm TSCĐ vô hình

TT	Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TS vô hình khác	Tổng cộng
A	NGUYÊN GIÁ				
I	Nguyên giá TSCĐ vô hình	202.570.451	498.761.637	123.000.000	824.332.088
	Số dư đầu năm	202.570.451	498.761.637	123.000.000	824.332.088
II	Tăng trong kỳ	0	473.311.000	0	473.311.000
1	Mua trong kỳ	0	473.311.000	0	473.311.000
III	Giảm trong kỳ	0	0	0	0
IV	Số dư cuối kỳ	202.570.451	972.072.637	123.000.000	1.297.643.088
B	GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ				
I	Số dư đầu năm	51.566.208	295.877.601	3.075.000	350.518.809
II	Tăng trong kỳ	3.360.972	65.336.456	6.150.000	74.847.428
1	Khấu hao trong kỳ	3.360.972	65.336.456	6.150.000	74.847.428
III	Giảm trong kỳ	0	0	0	0
IV	Số dư cuối kỳ	54.927.180	361.214.057	9.225.000	425.366.237
C	GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TSCĐ VÔ HÌNH				
I	Tại ngày đầu năm	151.004.243	202.884.036	119.925.000	473.813.279
II	Tại ngày cuối kỳ	147.643.271	610.858.580	113.775.000	872.276.851

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2011

Phụ lục 04: Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2010	135.000.000.000	8.337.500.000	3.871.948.342	2.022.627.163		701.368.506	149.933.444.011
Tăng trong năm	214.976.000.000	64.680.480.000	2.330.002.169	557.056.130	34.825.326	66.875.376.175	349.453.739.800
Tăng vốn	214.976.000.000	64.680.480.000	2.330.002.169	557.056.130	34.825.326		282.578.363.625
Lãi						66.875.376.175	64.103.170.978
Giảm trong năm		725.947.013				38.129.940.377	38.855.887.390
Phân phối lợi nhuận						38.129.940.377	8.388.710.635
Giảm khác		725.947.013					725.947.013
Số dư tại ngày 31/12/2010	349.976.000.000	72.292.032.987	6.201.950.511	2.579.683.293	34.825.326	29.446.804.304	460.531.296.421
Số dư tại ngày 01/01/2011	349.976.000.000	72.292.032.987	6.201.950.511	2.579.683.293	34.825.326	29.446.804.304	460.531.296.421
Tăng trong kỳ			12.788.850.390	3.880.711.636		53.535.742.262	70.205.304.288
Tăng vốn			12.788.850.390	3.880.711.636			16.669.562.026
Lãi						53.535.742.262	53.535.742.262
Giảm trong kỳ		35.000.000				46.402.617.894	46.437.617.894
Phân phối lợi nhuận						46.402.617.894	46.402.617.894
Giảm khác		35.000.000					35.000.000
Số dư tại ngày 30/6/2011	349.976.000.000	72.257.032.987	18.990.800.901	6.460.394.929	34.825.326	36.579.928.672	484.298.982.815